

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 254/2023/HC-PT

Ngày: 21/4/2023

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành
vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai;

Các Thẩm phán

Bà Vũ Thị Thu Hà;

Ông Phạm Đình Khánh.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Hà Nội.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên
tòa:** Bà Phạm Thị Minh H - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà
Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số:
187/2021/TLPT-HC ngày 14 tháng 4 năm 2021, về việc “Khiếu kiện quyết
định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do có
kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số
25/2020/HC-ST ngày 08/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3866/2023/QĐ-PT
ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Ông Chu Ngọc T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn N, xã
T1, huyện L, tỉnh B (Có mặt).

* **Người bị kiện:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh B.
- Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị Hương L1 - Phó Chủ tịch (Có
đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Ngô Ngọc Đ
– Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L (Có mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân xã T1, huyện L, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn T2 - Chủ tịch (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện trình bày như sau:

Tháng 8/2019, ông có làm hồ sơ xin giao đất ở diện tích 120m² nằm trong diện tích 282m² tại thửa đất số 727, tờ bản đồ số 5 đo đạc năm 1992 thuộc địa bàn Đ1, thôn Trong, xã T1.

Ngày 31/3/2020, ông nhận được Văn bản số 639/UBND-TNMT ngày 31/3/2020 về việc trả lời đơn của công dân. Ông cho rằng văn bản trên là trái pháp luật nên ngày 03/4/2020 ông đã làm đơn khiếu nại. Đến ngày 14/5/2020, UBND huyện L đã ban hành Văn bản số 1004/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của công dân. Ông nhận thấy hành vi không thực hiện việc giải quyết đơn đề nghị giao đất ở của UBND huyện L, tỉnh B cho nhân dân là trái pháp luật, bởi vì:

Một là, vi phạm về thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Điều 40 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. Cụ thể, Điều 40 văn bản trên quy định: Không quá 20 ngày, không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không quá 40 ngày đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Hai là, việc UBND huyện L không thực hiện việc giải quyết giao đất ở theo đơn đề nghị của ông là vi phạm Điều 4 Thông tư số 30/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Căn cứ vào Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định: Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản quy phạm pháp luật cao hơn.

Ba là, UBND huyện L căn cứ vào Quyết định số 858/2014/QĐ- UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh B để trả lời ông là không đúng vì quyết định này có nội dung trái quy định tại Thông tư số 30/TT-BTNMT ngày 02/6/2014.

Do vậy, ông làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc UBND huyện L thực hiện việc giao đất ở cho ông đối với diện tích nêu trên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Tại phiên tòa, ông Chu Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu trên và đề nghị HĐXX hủy Văn bản số 639/UBND-TNMT ngày 31/3/2020, Văn bản số 1004/UBND-TNMT ngày 14/5/2020 của UBND huyện L về việc trả lời đơn của công dân và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ Quyết định số 858/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh B vì trái pháp luật.

**Chủ tịch UBND và UBND huyện L, tỉnh B do ông Lương Văn N1 -
Chức vụ: Phó Chủ tịch đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Về diễn biến vụ việc và nguồn gốc thửa đất 727, diện tích 282m², tờ bản đồ số 05, đo đạc năm 1992 tại xã T1.

Theo hồ sơ địa chính lưu trữ tại xã T1, tại sổ địa chính lập năm 1994 có thể hiện tại trang số 11, số thứ tự 21 hộ ông Trần Văn C sử dụng thửa đất số 727, tờ bản đồ số 5, diện tích 282m² đã được UBND huyện L cấp GCNQSD đất ngày 26/01/1994 mang tên hộ ông Trần Văn C, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa (Theo Luật Đất đai năm 2013 là đất chuyên trồng lúa nước).

Ngày 29/6/2012, UBND huyện L đã ban hành Quyết định số 547/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất sang giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân làm nhà ở thông qua đấu giá QSD đất; trong đó đã thu hồi thửa đất số 727, diện tích 282m², tờ bản đồ số 05 của hộ ông Trần Văn C, hộ ông C đã nhận tiền và bàn giao lại mặt bằng cho Nhà nước quản lý theo quy định.

Tuy nhiên, hiện nay phần diện tích 282m², tại thửa đất số 727 chưa được chuyển mục đích sang giao đất ở cho nhân dân thông qua đấu giá quyền sử dụng đất và đang giao cho UBND xã T1 quản lý, sử dụng, vào mục đích đất nông nghiệp theo quy định (phần diện tích 282m² chưa được chuyển mục đích sử dụng là do thửa đất số 728, diện tích 362m² liền kề phía trước thửa đất số 727 đang giao hộ ông Nguyễn Văn T3 sử dụng không nhất trí với chủ trương Nhà nước thu hồi đất để thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất sang giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân làm nhà ở thông qua đấu giá QSD đất năm 2012).

Ngày 20/11/2019, ông Chu Ngọc T có đơn đề nghị giao đất trong đó đề nghị giao 120m² đất ở nông thôn, tại khu vực Đ1, thôn Trong, xã T1 (vị trí tại thửa đất số 727, tờ bản đồ số 5, diện tích 282m²).

Ngày 31/3/2020, Chủ tịch UBND huyện có Văn bản số 639/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của công dân. Ngày 03/4/2020, ông Chu Ngọc T có đơn khiếu nại về việc không thực hiện quyết định hành chính giao đất ở cho nhân dân.

- Đối với nội dung buộc UBND huyện L thực hiện thủ tục giao 120m² đất ở nông thôn tại vị trí thửa đất số 727, diện tích 282m², tờ bản đồ số 5 theo đúng quy định pháp luật.

Sau khi tiếp nhận đơn của ông Chu Ngọc T, Chủ tịch UBND huyện L đã giao phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra xem xét, giải quyết theo quy định.

Qua làm việc với ông Chu Ngọc T được biết: Hiện nay ông Chu Ngọc T chưa có đất ở, nay ông đề nghị giao 120m² đất ở không qua đấu giá quyền sử dụng đất tại vị trí thửa đất 727, diện tích 282m² thuộc khu vực Đ1, thôn Trong, xã T1 (tại vị trí thực hiện dự án đấu giá quyền sử dụng đất ở đã được phê duyệt).

Hiện tại ông T đang ở cùng với mẹ đẻ là cụ Đồng Thị L1 tại thôn N, xã T1, nhưng đã tách hộ khẩu riêng.

Qua làm việc với UBND xã T1 được biết: Vị trí diện tích ông Chu Ngọc T đề nghị giao đất ở nêu trên là phần diện tích đất do UBND huyện đã thu hồi để thực hiện dự án giao đất ở cho nhân dân thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất mà hiện nay UBND huyện đang giao cho UBND xã T1 quản lý sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp.

Kiểm tra hồ sơ địa chính (Sổ địa chính) xã T1 được lập năm 1994, tại trang số 65, số thứ tự 111 tên chủ sử dụng đất là bà Đồng Thị L1 có thể hiện 03 thửa đất thổ cư với tổng diện tích 1.858m² (cụ thể: thửa đất số 1285, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.234m²; thửa đất số 1309, tờ bản đồ số 10, diện tích 516m² và thửa đất số 1308 tờ bản đồ số 10, diện tích 10m²). Địa chỉ (xứ đồng): Xóm N. Ngày 26/01/1994, UBND huyện L đã cấp GCNQSD đất cho hộ bà Đồng Thị L1 (mẹ đẻ ông Chu Ngọc T) đối với 03 thửa đất nêu trên.

Tại thời điểm UBND huyện L cấp GCNQSD đất cho hộ bà Đồng Thị L1, ông Chu Ngọc T có tên trong sổ hộ khẩu của bà Đồng Thị L1.

Theo quy định tại điểm g khoản 1 và điểm g khoản 2 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

“1. Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất trong các trường hợp sau đây, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

g) Giao đất ở tại đô thị, nông thôn cho hộ gia đình, cá nhân”

2. Các trường hợp không đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất bao gồm:

g) Giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở”.

Theo quy định tại điểm b và g khoản 1 Điều 15 quy định trình tự, thủ tục khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh B (ban hành kèm theo Quyết định 858/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh B) quy định điều kiện, trình tự, thủ tục giao đất ở cho hộ gia đình ở nông thôn không qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

“1. Hộ gia đình được xem xét giao đất làm nhà ở phải có đủ các điều kiện sau:

b) Khu vực giao đất đã được Nhà nước thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và bồi thường giải phóng mặt bằng và đã được UBND tỉnh quyết định giá đất cụ thể để giao cho hộ gia đình, cá nhân;

e) Không còn đất ở nào khác và chưa được Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất (kể cả trường hợp công nhận đất ở được giải quyết theo

Quyết định số 191/2012/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với một số trường hợp vướng mắc, tồn tại trước ngày 01 tháng 01 năm 2012 cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trên địa bàn tỉnh B.

Như vậy, thửa đất số 727 tờ bản đồ số 05, diện tích 282m² chưa được chuyển mục đích sử dụng sang đất ở tại nông thôn theo quy định và tại thời điểm cấp GCNQSD đất năm 1994 cho hộ bà Đồng Thị L1 (mẹ đẻ ông Chu Ngọc T) thì ông Chu Ngọc T vẫn có tên trong hộ khẩu bà Đồng Thị L1. Nên việc ông Chu Ngọc T đề nghị xem xét giao cho ông 120m² đất ở tại thửa đất nêu trên là không có cơ sở.

- Đối với nội dung xem xét tính hợp pháp của 2 Văn bản số 639/UBND-TNMT ngày 31/3/2020 và số 1004/UBND-TNMT ngày 14/5/2020 về việc trả lời đơn của công dân. Ngày 20/11/2019, ông Chu Ngọc T có đơn đề nghị giao đất trong đó đề nghị giao 120m² đất ở nông thôn nêu trên. Sau khi tiếp nhận đơn của ông Chu Ngọc T. Chủ tịch UBND huyện L đã giao phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra xem xét, giải quyết theo quy định.

Ngày 28/02/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với UBND xã T1 tổ chức hội nghị làm việc với ông Chu Ngọc T. Đồng thời đã thực hiện thu thập hồ sơ có liên quan lưu trữ tại UBND xã T1 để làm cơ sở trả lời đơn của ông Chu Ngọc T.

Ngày 11/3/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường có Báo cáo số 326/BC-TNMT về kết quả kiểm tra, xem xét đơn của ông Chu Ngọc T gửi Chủ tịch UBND huyện.

Ngày 31/3/2020, Chủ tịch UBND huyện L đã ban hành Công văn số 639/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của công dân.

Không nhất trí với nội dung trả lời tại Công văn trên. Ngày 03/4/2020, ông Chu Ngọc T có đơn khiếu nại về việc không thực hiện quyết định hành chính giao đất ở cho nhân dân.

Sau khi tiếp nhận đơn của ông Chu Ngọc T, Chủ tịch UBND huyện L đã giao phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra xem xét, giải quyết theo quy định.

Ngày 07/5/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND xã T1 tổ chức hội nghị làm việc với ông Chu Ngọc T về các nội dung ông có ý kiến đề nghị giải quyết.

Ngày 11/5/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường có Báo cáo số 611/BC-TNMT về kết quả kiểm tra, xem xét đơn của ông Chu Ngọc T gửi Chủ tịch UBND huyện.

Ngày 14/5/2020, Chủ tịch UBND huyện L đã ban hành Công văn số

1004/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của công dân.

Việc Chủ tịch UBND huyện L ban hành 02 văn bản nêu trên là đúng quy định pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên, Chủ tịch UBND và UBND huyện L nhận thấy rằng: Các yêu cầu của Ông Chu Ngọc T nêu tại đơn khởi kiện là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2020/HC-ST ngày 08/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116, 157, 158, 164, 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 27 và Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 1 Điều 52; điểm g khoản 1 và điểm g khoản 2 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013. Xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Chu Ngọc T về việc:

- Hủy Văn bản số 639/UBND-TNMT ngày 31/3/2020 và Văn bản 1004/UBND-TNMT ngày 14/5/2020 của UBND huyện L về việc trả lời đơn của công dân.

- Buộc UBND huyện L thực hiện giao 120m² đất ở nằm trong diện tích 282m² tại thửa đất số 727, tờ bản đồ số 5 đo đạc năm 1992 thuộc địa bàn Đ1, thôn Trong, xã T1, huyện L, tỉnh B.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020, người khởi kiện ông Chu Ngọc T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là ông Chu Ngọc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo cho rằng hành vi không thực hiện việc giải quyết đơn đề nghị giao đất ở của UBND huyện L, tỉnh B cho nhân dân là trái pháp luật, là vi phạm Điều 4 Thông tư số 30/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; các Văn bản số 639/UBND-TNMT ngày 31/3/2020 và Văn bản 1004/UBND-TNMT ngày 14/5/2020 của UBND huyện L về việc trả lời đơn của công dân vi phạm về thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Điều 40 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông đề nghị hủy các văn bản vi phạm nêu trên và không buộc UBND huyện L thực hiện việc giao đất cho ông là không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Ngô Ngọc Đ không đồng ý với kháng cáo của người khởi kiện; đề nghị hội đồng xét

xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Chu Ngọc T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện của những người bị kiện đã đảm bảo trình tự, thủ tục, thẩm quyền đúng theo quy định của pháp luật. Người khởi kiện là ông Chu Ngọc T đã được cấp đất ở cùng hộ cùng với mẹ đẻ là bà Đồng Thị L1 tại thôn N, xã T1. Việc ông tách hộ khẩu riêng không phải là căn cứ cấp lại đất ở cho ông T. Tòa án sơ thẩm bác các yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; không chấp nhận kháng cáo của ông Chu Ngọc T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Chu Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Văn bản số 639/UBND-TNMT ngày 31/3/2020 và Văn bản 1004/UBND-TNMT ngày 14/5/2020 của UBND huyện L, tỉnh B về việc trả lời đơn của công dân và buộc UBND huyện L thực hiện việc giao đất cho ông là các văn bản hành chính, hành vi hành chính của cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai nên Tòa án nhân dân tỉnh B thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Tòa án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, về thời hiệu khởi kiện, Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện, Quyết định hành chính và hành vi hành chính liên quan, về tư cách đương sự đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[4] Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Theo hồ sơ địa chính (Sổ địa chính) xã T1 được lập năm 1994, ông Chu Ngọc T có tên trong sổ hộ khẩu của cụ Đồng Thị L1 và thời điểm này hộ bà Lan đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/01/1994 đối với 03 thửa đất, trong đó có đất thổ cư, với tổng diện tích 1.858m² (cụ thể: thửa đất số 1285, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.234m²; thửa đất số 1309, tờ bản đồ số 10, diện tích 516m² và thửa đất số 1308 tờ bản đồ số 10, diện tích 108m²) tại Thôn N, xã T1, huyện L, tỉnh B.

Hiện tại, ông T đã tách hộ khẩu riêng nhưng vẫn đang ở cùng với mẹ đẻ là bà Đồng Thị L1 tại thôn N. Ông T cho rằng ông chưa có đất ở nên ngày 20/11/2019, ông làm đơn đề nghị giao 120m² đất ở thuộc diện tích 282m² đất, thửa 727 tại khu vực Đ1, thôn Trong, xã T1, huyện L, tỉnh B không qua đấu giá

quyền sử dụng đất để có nơi ở (tại vị trí thực hiện dự án đấu giá quyền sử dụng đất ở đã được phê duyệt).

Sau khi tiếp nhận đơn của ông Chu Ngọc T, Chủ tịch UBND huyện L đã giao phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra xem xét, giải quyết theo quy định.

Ngày 28/02/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với UBND xã T1 tổ chức hội nghị làm việc với ông Chu Ngọc T. Đồng thời đã thực hiện thu thập hồ sơ có liên quan lưu trữ tại UBND xã T1 để làm cơ sở trả lời đơn của ông Chu Ngọc T.

Ngày 11/3/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường có Báo cáo số 326/BC-TNMT về kết quả kiểm tra, xem xét đơn của ông Chu Ngọc T gửi Chủ tịch UBND huyện.

Ngày 31/3/2020, Chủ tịch UBND huyện L đã ban hành Công văn số 639/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của công dân.

Không nhất trí với nội dung trả lời tại Công văn trên. Ngày 03/4/2020, ông Chu Ngọc T có đơn khiếu nại về việc không thực hiện quyết định hành chính giao đất ở cho nhân dân.

Sau khi tiếp nhận đơn của ông Chu Ngọc T. Chủ tịch UBND huyện L đã giao phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra xem xét, giải quyết theo quy định.

Ngày 07/5/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND xã T1 tổ chức hội nghị làm việc với ông Chu Ngọc T về các nội dung ông có ý kiến đề nghị giải quyết.

Ngày 11/5/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường có Báo cáo số 611/BC- TNMT về kết quả kiểm tra, xem xét đơn của ông Chu Ngọc T gửi Chủ tịch UBND huyện.

Ngày 14/5/2020, Chủ tịch UBND huyện L đã ban hành Công văn số 1004/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của công dân.

Ngày 31/3/2020, Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh B có Văn bản số 639/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của công dân có nội dung không chấp nhận đề nghị cấp đất ở của ông T. Ngày 03/4/2020, ông Chu Ngọc T có đơn khiếu nại về việc không thực hiện quyết định hành chính giao đất ở cho nhân dân.

Như vậy, trình tự, thủ tục ban hành Văn bản số 639/UBND-TNMT, ngày 31/3/2020 và Công văn số 1004/UBND-TNMT ngày 14/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh B là đúng quy định pháp luật.

[5] Về nội dung:

[5.1] Ông Chu Ngọc T có tên trong sổ hộ khẩu tại Thôn N, xã T1, huyện L,

tỉnh B từ năm 1994 và tại Đơn xin đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Đồng Thị L1 thể hiện “số nhân khẩu trong hộ là 3 (Ba) và “Sau khi đã học tập luật đất đai, Nghị định số 30/NĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, Quyết định 201/QĐ-ĐKTK của Tổng cục quản lý ruộng đất và kế hoạch 605/NN-UB, Chỉ thị 03/CT-UB của UBND tỉnh H1 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Như vậy, theo quy định của pháp luật đất đai tại thời điểm này thì ông Chu Ngọc T đã được cấp đất theo hạn mức đất ở và phân ruộng tiêu chuẩn chung với hộ cụ Đồng Thị L1.

[5.2] Mặt khác, tại Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2016; Bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu ngày 23/3/2021 của ông Chu Ngọc T ở mục Thông tin mô tả về tài sản ông T cũng xác định có 3.394m² đất ở tại Thôn N, xã T1, huyện L, tỉnh B, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0117238 Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh H1 cấp ngày 26/01/1994 sử dụng chung với mẹ đẻ Đồng Thị L1.

[5.3] Như vậy, ông Chu Ngọc T không thuộc trường hợp được giao đất ở không qua đấu giá quyền sử dụng đất. Việc ông có đơn ngày 20/11/2019 cho rằng ông chưa có đất ở nên đề nghị UBND huyện L giao 120m² đất ở thuộc thửa 727 tại khu vực Đ1, thôn Trong, xã T1, huyện L, tỉnh B không qua đấu giá quyền sử dụng đất để có nơi ở (tại vị trí thực hiện dự án đấu giá quyền sử dụng đất ở đã được phê duyệt) là không có cơ sở chấp nhận. Văn bản số 639/UBND-TNMT ngày 31/3/2020 và Công văn số 1004/UBND-TNMT ngày 14/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh B không chấp nhận yêu cầu giao đất của ông là đúng quy định pháp luật. Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu hủy 02 Văn bản nêu trên và bác yêu cầu buộc UBND huyện L thực hiện giao 120m² đất ở thuộc thửa số 727, tờ bản đồ số 5 đo đạc năm 1992 tại Đ1, thôn Trong, xã T1, huyện L, tỉnh B của ông là có căn cứ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Chu Ngọc T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là ông Chu Ngọc T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2020/HC-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

2. Về án phí: Ông Chu Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông T

đã nộp tại Biên lai thu số 0000862 ngày 11/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà

Phạm Đình Khánh

Lê Thị Mai